

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2019
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Quang Định, cán bộ nghỉ hưu tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Vũ Thị Xuyến, cán bộ phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị M**, sinh năm: 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm: 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 19/10/1998 tại Ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn, chị M về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 2, khu Đồng Minh, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân đã hơn 07 tháng nay.

Về con chung Chị M và anh Đ có 02 con chung tên là: Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 07/8/1999 (đã thành niên) và Phạm Gia K, sinh ngày 10/4/2004.

Quan điểm của chị M: Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng mãi chơi cờ bạc, trai gái, đánh đập chị nhiều lần, không có trách nhiệm với gia đình, anh Đ còn vay nợ rồi bỏ trốn hơn 01 năm, bản thân chị phải trả nợ cho chồng, chị không còn tình cảm với anh Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị yêu cầu Tòa án giao con chung Phạm Gia K cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đang làm tại Công ty giấy da (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) nên có thu nhập hàng tháng, còn anh Đ làm nghề lao động tự do thu nhập không ổn định. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh Đ: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, khoảng mấy tháng trở lại đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng chưa có gì lớn, chưa đến mức trầm trọng. Anh muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, cháu Phạm Gia Khiêm (sinh ngày 10/4/2004) có quan điểm: trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ của anh Đ) cung cấp như sau: Sau khi anh Đ và chị M kết hôn rồi chung sống ở nhà riêng gần nhà ông bà. Khoảng 03 năm trở lại đây thì hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, chủ yếu do anh Đ mãi chơi, ít quan tâm đến gia đình, có đi khỏi nhà và chơi bài bạc, nhưng không có chuyện bạo hành trong gia đình. Chị M đã bỏ đi khỏi nhà từ ngày 06/01/2019 âm lịch (ngày 10/02/2019 dương lịch). Con lớn của anh Đ đã thành niên và có gia đình riêng, con nhỏ đang đi làm phụ xe khách cuối tuần mới về. Ông Hoàng Duy C - Khu trưởng khu Cửa Ngăn, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí xác nhận: Lời trình bày của bà N về tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Đ nêu trên là đúng sự thật. Biên bản xác minh có xác nhận của chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

2) Giao con chung Phạm Gia K cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập của Tòa án, nhưng lần thứ hai vẫn không đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn Đ có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc chứ không thể bị ép buộc. Nhưng hai bên đã không cùng chung sống, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau nữa, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị M và anh Đ có 02 con chung, con lớn đã thành niên (trên 18 tuổi), có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ và phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, còn con nhỏ chưa thành niên. Cả hai vợ chồng có việc làm và thu nhập, có điều kiện nuôi dưỡng con, nhưng chị M có thu nhập ổn định hơn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, cháu Phạm Gia K cũng nhất trí ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và ý chí của con, Hội đồng xét xử cần giao con con nhỏ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con và phù hợp với

quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Về quyền kháng cáo bản án:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Phạm Thị M.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Gia K, sinh ngày 10/4/2004 cho chị Phạm Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2. Anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Anh Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

2.4. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000748 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Phạm Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- UBND P. Phương Đông,
TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm